Điều 6. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1333/VT-PC ngày 01 tháng 7 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về vùng nước cảng Quảng Ninh và khu vực trách nhiệm của Cảng vụ Quảng Ninh, và các quy định trước đây trái với Quyết định này.

Điều 7. Các Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ thuộc Bộ, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường sông Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải Quảng Ninh, Giám đốc Cảng vụ Quảng Ninh, Giám đốc Cảng vụ Hải Phòng, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải
Thứ trưởng

PHẠM THẾ MINH

BỘ TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 77/2002/TT-BTC ngày 10/9/2002 quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp chứng minh nhân dân và lệ phí đăng ký và quản lý hộ khẩu.

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 05/1999/NĐ-CP ngày 03/2/1999 của Chính phủ về chứng minh nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 51/CP ngày 10/5/1997 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ khẩu;

Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp chứng minh nhân dân và lệ phí đăng ký và quản lý hộ khẩu như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG THU VÀ MỨC THU

1. Đối tượng thu lệ phí cấp chứng minh nhân dân và lệ phí đăng ký và quản lý hộ khẩu như sau:

a) Công dân Việt Nam khi được cơ quan công an cấp mới, đổi, cấp lại chứng minh nhân dân thì phải nộp lệ phí theo quy định tại Thông tư này; trừ các đối tượng không phải nộp sau đây:

- Bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của liệt sĩ, con dưới 18 tuổi của liệt sĩ.

- Thương binh, con dưới 18 tuổi của thương binh.

- Công dân thuộc xã, thị trấn vùng cao theo quy định của Ủy ban Dân tộc.

b) Công dân Việt Nam khi thực hiện đăng ký và quản lý hộ khẩu với cơ quan công an thì phải nộp lệ phí theo quy định tại Thông tư này; trừ các đối tượng không phải nộp sau đây:

- Bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của liệt sĩ, con dưới 18 tuổi của liệt sĩ.

- Thương binh, con dưới 18 tuổi của thương binh.

- Công dân hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an trở về khi đăng ký hộ khẩu trở lại.

- Công dân thuộc xã, thị trấn vùng cao theo quy định của Ủy ban dân tộc.

2. Mức thu lệ phí cấp chứng minh nhân dân và mức thu lệ phí đăng ký và quản lý hộ khẩu được quy định cụ thể tại biểu Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

II. TỔ CHỨC THU, NỘP VÀ QUẢN LÝ SỬ DỤNG

1. Cơ quan công an thu lệ phí theo quy định tại Thông tư này phải thực hiện:

a) Niêm yết công khai mức thu lệ phí cấp chứng minh nhân dân, lệ phí đăng ký và quản lý hộ khẩu tại trụ sở cơ quan nơi thu lệ phí.

b) Khi thu tiền lệ phí phải cấp cho người nộp tiền biên lai thu lệ phí do Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) phát hành. Biên lai thu lệ phí nhận tại cơ quan thuế địa phương nơi cơ quan công an đóng trụ sở và được quản lý, sử dụng theo quy định của Bộ Tài chính.

c) Thực hiện đăng ký, kê khai, thu, nộp, quyết toán tiền lệ phí theo quy định tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí.

2. Cơ quan công an trực tiếp thu lệ phí cấp chứng minh nhân dân, lệ phí đăng ký và quản lý hộ khẩu được trích để lại một phần tiền lệ phí theo tỷ lệ (%) trên tổng số tiền lệ phí thực thu được để chi phí cho việc thu lệ phí như sau:

a) Cơ quan công an quận thuộc thành phố trực thuộc Trung ương, phường nội thành của thành phố trực thuộc tỉnh được trích 35% (ba mươi lăm phần trăm).

b) Cơ quan công an tại các xã, thị trấn miền núi, biên giới, hải đảo được trích toàn bộ (100%).

c) Cơ quan công an tại khu vực khác ngoài các khu vực nêu tại tiết a, tiết b trên đây được trích 70% (bảy mươi phần trăm).

3, Số tiền được trích để lại theo tỷ lệ (%) quy định tại điểm 2 trên đây được sử dụng để chi phí cho việc thu lệ phí theo các nội dung cụ thể sau đây:

- Chi phí trực tiếp phục vụ cho việc thu lệ phí như: in (mua) mẫu, biểu, sổ sách.

- Chi mua văn phòng phẩm, điện thoại, điện, nước, công tác phí theo tiêu chuẩn, định mức hiện hành.

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho cán bộ, nhân viên trực tiếp thu lệ phí. Mức trích 2 Quỹ khen thưởng, phúc lợi bình quân 1 năm, một người tối đa không quá 3 tháng lương thực hiện nếu số thu năm nay cao hơn năm trước và bằng 2 tháng lương thực hiện nếu số thu năm nay thấp hơn năm trước.

Công an tỉnh, thành phố được điều chuyển số tiền lệ phí được trích để lại giữa các quận, huyện để đảm bảo chi cho công tác thu lệ phí và phải sử dụng đúng mục đích, có chứng từ hợp pháp theo chế độ quy định, quyết toán năm nếu không sử dụng hết thì được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo quy định.

4. Tổng số tiền lệ phí thu được, sau khi trừ số được trích để lại theo tỷ lệ (%) quy định tại điểm 2 trên đây, số còn lại phải nộp vào ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương), chương, loại, khoản tương ứng, mục 046 Mục lục Ngân sách nhà nước hiện hành theo thủ tục và thời hạn quy định tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành pháp luật về phí, lệ phí.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Các quy định trước đây về lệ phí cấp chứng minh nhân dân, lệ phí đăng ký và quản lý hộ khẩu trái với Thông tư này đều hết hiệu lực thi hành.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

TRƯƠNG CHÍ TRUNG

BIỂU MỨC THU LỆ PHÍ CẤP CHỨNG MINH NHÂN DÂN VÀ LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ VÀ QUẢN LÝ HỘ KHẨU

(ban hành kèm theo Thông tư số 77/2002/TT-BTC ngày 10/9/2002 của Bộ Tài chính).

Số thứ tự	Danh mục lệ phí	Đơn vị tính	Mức thu		
			Các quận của thành phố trực thuộc Trung ương, hoặc phường nội thành của thành phố thuộc tỉnh	Xã, thị trấn miền núi, biên giới, hải đảo	Khu vực khác
I	**Lệ phí cấp chứng minh nhân dân** (không bao gồm tiền ảnh của người được cấp chứng minh nhân dân).				
1	Cấp mới	Đồng/lần cấp	5.000	2.000	3.000
2	Cấp lại; đổi	Đồng/lần cấp	6.000	3.000	4.000
II	**Lệ phí đăng ký và quản lý hộ khẩu:**				
1	Đăng ký chuyển đến cả hộ hoặc một người nhưng không cấp sổ hộ khẩu gia đình hoặc giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể	Đồng/lần đăng ký	10.000	2.000	5.000
2	Cấp mới, cấp lại, đổi sổ hộ khẩu gia đình	Đồng/lần đăng ký	15.000	4.000	8.000
	- Riêng cấp đổi sổ hộ khẩu gia đình theo yêu cầu của chủ hộ vì lý do Nhà nước đổi thay địa giới hành chính, tên đường phố, số nhà.	Đồng/lần cấp	8.000	3.000	5.000
3	Cấp mới, cấp lại, đổi giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể	Đồng/lần đăng ký	10.000	4.000	6.000
	- Riêng cấp đổi giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể do Nhà nước thay đổi địa giới hành chính, tên đường phố, số nhà.		5.000	2.000	3.000
4	Cấp mới, cấp lại, đổi giấy đăng ký tạm trú có thời hạn cho hộ gia đình	Đồng/lần cấp	10.000	4.000	6.000
5	Gia hạn tạm trú có thời hạn	Đồng/lần cấp	3.000	1.000	2.000

6	Cấp mới, cấp lại, đổi giấy tạm trú có thời hạn cho một nhân khẩu	Đồng/lần cấp	5.000	2.000	3.000
7	Đính chính các thay đổi trong sổ hộ khẩu gia đình, giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể: (nhưng không thu lệ phí đối với trường hợp đính chính lại địa chỉ do Nhà nước thay đổi địa giới hành chính, đường phố, số nhà; xóa tên trong sổ hộ khẩu)	Đồng/lần cấp	5.000	2.000	3.000

THÔNG TƯ số 78/2002/TT-BTC ngày 11/9/2002 quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh, trật tự để kinh doanh dịch vụ bảo vệ và lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu.

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 14/2001/NĐ-CP ngày 25/4/2001 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ bảo vệ;

Căn cứ Nghị định số 58/2001/NĐ-CP ngày 24/8/2001 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu;

Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh, trật tự để kinh doanh dịch vụ bảo vệ và lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG THU VÀ MỨC THU

1. Đối tượng thu:

a) Các doanh nghiệp khi được cơ quan công an cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự để kinh doanh dịch vụ bảo vệ theo quy định tại Nghị định số 14/2001/NĐ-CP ngày 25/11/2001 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ bảo vệ phải nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh, trật tự để kinh doanh dịch vụ bảo vệ.

b) Các cơ quan, tổ chức được sử dụng con dấu quy định tại Điều 1 Nghị định số 58/2001/NĐ-CP ngày 24/8/2001 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu khi được cơ quan công an cấp Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu phải nộp lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu.

2. Mức thu:

a) Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh, trật tự để kinh doanh dịch vụ bảo vệ: 100.000 đồng/lần cấp/doanh nghiệp.

b) Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu: 20.000 đồng/giấy chứng nhận/con dấu.

II. TỔ CHỨC THU, NỘP VÀ QUẢN LÝ SỬ DỤNG

1. Cơ quan công an thu lệ phí có trách nhiệm:

a) Niêm yết công khai mức thu lệ phí cấp Giấy